TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2021/DS-ST Ngày: 23-06-2021 *V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đỗ Ngọc Cận.

2/. Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST-DS ngày 21/01/2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST-DS ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Ngọc N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, khóm 3, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng N (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2020 – vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ cư trú: đường M, khóm 3, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mai T, (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: đường Q, khóm 4, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2020 và lời trình bày của ông Phan Hoàng N trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Giữa bà Tạ Ngọc N với bà Trần Thị Mai T quen biết với nhau, nên bà N có cho bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 04/01/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/02/2019 dương lịch) bà N có cho bà T vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 04/01/2019 âm lịch (nhằm ngày 04/02/2019 dương lịch). Từ khi vay đến nay, bà T không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 4/11/2020 bà T còn nợ bà N số tiền vốn là 60.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm x 21 tháng thành tiền là 10.500.000 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 70.500.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 09/08/2019, bà N có cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 09/08/2019. Từ khi vay đến nay, bà T không trả vốn và lãi. Tính đến ngày 09/11/2020 bà T còn nợ bà N số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm x 15 tháng thành tiền là 12.501.000 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 112.501.000 đồng.

Nay bà Tạ Ngọc N yêu cầu bà Trần Thị Mai T trả số tiền vốn vay tổng cộng là 160.000.000 đồng và tiền lãi là 23.001.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết nợ gốc. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi số tiền 23.001.000 đồng. Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T trả số tiền vốn vay còn nợ là 160.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là bà Trần Thị Mai T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bà T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diên Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là bà Trần Thị Mai T đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Hoàng N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn là bà Trần Thị Mai T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông N và bà T.

[2] Xét yêu cầu của phía nguyên đơn về việc rút lại yêu cầu tính lãi số tiền 23.001.000 đồng. Thấy rằng, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Hoàng Nhựt có đơn xin rút lại một phần yêu khởi kiện về tiền lãi. Việc rút lại yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay tổng cộng là 160.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là tờ *"tờ cam kết"* đề ngày 4/2/2019 với nội dung là bà Trần Thị Mai T mượn của bà Tạ Ngọc N số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng sẽ trả đầy đủ và tờ *"tờ cam kết"* đề ngày 9/8/2019 với nội dung là bà Trần Thị Mai T mượn của bà Tạ Ngọc N số tiền 100.000.000 đồng thời hạn 03 tháng sẽ trả đầy đủ. Do bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ xác định bị đơn bà T còn nợ nguyên đơn bà N số tiền vốn vay tổng cộng là 160.000.000 đồng.

Từ khi vay đến nay đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn đã vay là 160.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án, bị đơn bà Trần Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nguyên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Ngọc N. Buộc bà Trần Thị Mai T trả cho bà Tạ Ngọc N số tiền vốn là 160.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Ngọc N về yêu cầu bà Trần Thị Mai T trả số tiền nợ lãi là 23.001.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Mai T phải chịu số tiền là 8.000.000 đồng.

Bà Tạ Ngọc N không phải chịu, trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.575.000 đồng theo biên lai số 0004990 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Phước Tài